TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 7 – 2024
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hải

2. Ông Lê Thanh Hiện

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thúy Vân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn L, sinh năm: 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S.L.A, xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Chị Trần Cẩm D, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 15/4/2024, quá trình hòa giải vụ án, anh Huỳnh Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Cẩm D xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2010, nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã KBTB, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, anh L cho rằng tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây rỗ, cải vả, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo

dài mà không có cách khắc phục nên anh và chị D mỗi người sống một nơi từ năm 2022 đến nay. Do đó, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh L xác định giữa anh và chị D có 03 người con chung là Huỳnh Thái B, sinh ngày 22/5/2010, Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 10/02/2012, Huỳnh Ngọc Hà M, sinh ngày 19/5/2021. Hiện cháu B và cháu Nh đang sống chung với anh; cháu M sống chung với chị D. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B và cháu Nh, anh thống nhất giao cháu M cho chị D nuôi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh L xác định không có.

- Về nợ chung: Anh L khai rằng giữa anh và chị D có nợ nhưng anh L không xác định được họ, tên và địa chỉ cụ thể của chủ nợ cho Toà án biết để mời làm việc. Vì vậy, khoản nợ của anh L và chị D không thể xem xét trong vụ án này nên được tách ra, khi nào các chủ nợ có yêu cầu sẽ xem xét thành vụ kiện khác.

* Trong biên bản hòa giải ngày 06/5/2024, chị Trần Cẩm D trình bày:

Về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản, nợ đúng như anh L trình bày. Mâu thuẫn vợ, chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị thống nhất ly hôn với anh L. Chị đồng ý giao cháu B và cháu Nh cho anh L nuôi dưỡng, chị tiếp tục nuôi cháu M, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không có; phần nợ người khác chị không xác định được. Tại phiên tòa, chị D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa anh Huỳnh Văn L và chị Trần Cẩm D là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của chị Trần Cẩm D: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng chị D vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của anh Huỳnh Văn L, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn L và chị Trần Cẩm D xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, gây rỗ, dẫn đến tình

cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh L và chị D tự sống ly thân một thời gian để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, anh L và chị D xác định tình cảm không còn và không thể hàn gắn được nữa nên thống nhất ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được ly hôn chị D là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Huỳnh Thái B, cháu Huỳnh Ngọc Nh hiện nay do anh Huỳnh Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng của các cháu cũng muốn tiếp tục chung sống với anh L. Vì vậy, giao cháu B và cháu Nh cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu Huỳnh Ngọc Hà M hiện còn nhỏ và do chị Trần Cẩm D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời anh L và chị D thống nhất giao cháu M cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu M cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, anh L và chị D không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh L và chị D xác định không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L và chị D khai rằng giữa anh, chị có nợ chung nhưng anh, chị không xác định được họ, tên và địa chỉ cụ thể của chủ nợ cho Toà án biết để mời làm việc. Vì vậy, khoản nợ của anh L và chị D không thể xem xét trong vụ án này nên được tách ra, khi nào các chủ nợ có yêu cầu sẽ xem xét thành vụ kiện khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn L về việc ly hôn chị Trần Cẩm D.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Thái B, sinh ngày 22/5/2010, cháu Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 10/02/2012 cho anh Huỳnh Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Huỳnh Ngọc Hà M, sinh ngày 19/5/2021 cho chị Trần Cẩm D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Cẩm D và anh Huỳnh Văn L không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không đề cập giải quyết trong vụ án này.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh Huỳnh Văn L phải chịu 300.000đ. Ngày 15 tháng 4 năm 2024, anh L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4859 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Anh Huỳnh Văn L và chị Trần Cẩm D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã KBTB, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải